

Chú Giải Luật Thiện Kiến

Hán dịch: **Tăng-già-bạt-đà-la** - Việt dịch: **Tỳ kheo Tâm-Hạnh**

Quyển thứ mười lăm
(tiếp theo)

-ooOoo-

Giới 29 (P.N 29)

Giới ở chỗ (có sự) sợ hãi. Ở tại A Lan Nhã có hai trường hợp:

1. Ở A lan nhã lâu dài.
2. Ở A lan nhã ba tháng.

Tỳ kheo sống ở A lan nhã mà y phục hư rách, được trở về ở tăng phòng nơi tụ lạc để sửa sang y phục. Sau khi làm xong, được trở lại sống ở A lan nhã.

Giặc tháng Ca Đề (Kattika coraka). Giặc nổi dậy vào tháng Ca Đề trong mùa thu không mưa.

Thấy bọn giặc giết người đoạt vật, tỳ kheo sợ hãi: sợ mất ba y. Được phép gởi một trong ba y vào làng xóm.

Sợ hãi: tự mình thấy giặc hoặc nghe người nói, gọi là khủng bố.

Nếu ở chỗ A lan nhã mà chúng tăng ở đông, phòng nhà kiên cố thì không cần phải gởi y vào làng xóm.

Gởi y đến đêm thứ sáu phải đến xem lại, thấy y rồi mới được trở lại A Lan Nhã, trừ khi được tăng yết ma.

Pháp sư nói: - Thứ tự các câu văn khác trong luật đã nói rõ, không cần giải thích nữa.

(Sāsankasikkhāpadava-nnānā nitthitā).

Giới thứ 30 (P.N 30)

Xoay vật dâng cúng về cho mình. (Biết) Thí chủ dâng vật thực đến Phật và tăng, muốn được dâng thêm y, tỳ kheo xoay vật dâng cúng ấy về cho mình.

Bắt đầu khuyến hóa họ xoay vật về cho mình, phạm Đột-cát-la.

Được vật đến tay mình, phạm xả đọa.

Nếu xoay vật ấy về cho người khác hay súc sanh, (đối với vật mà họ) muốn cho súc sanh này, lại xoay đến súc sanh kia, đều phạm tác ác.

Họ muốn cúng dường tượng này, tỳ kheo lại xoay đến tượng khác, đều phạm tội Đột-cát-la.

Các trường hợp vô tội: không biết họ muốn cúng cho tăng.

-ooOoo-

Pháp sư nói: - Ba mươi pháp đã nói rõ (Nitthitā timsa-kavannā) không còn sót điều gì, tiếp theo là chín mươi pháp, các ông hãy chú ý nghe.

1. Ha-Đa (Hatthaka) trong giới nói dối là tên của một vị đại đức.

Giòng họ Thích xuất gia có tám vạn người, Ha Đa cũng ở trong số người ấy. Với bản tính thích bàn luận, khi luận nghị cùng ngoại đạo, biết mình đuối lý, vị này liền nói ngược lại lời đã nói. Nếu gặp phải lời nói hay của ngoại đạo thì nhận làm lời nói của mình. Nếu biết lý ấy không đúng thì nói lời nói ấy của ngoại đạo. Khi có hẹn giờ cùng ngoại đạo luận nghị, vị ấy bảo ngoại đạo rằng sau buổi trưa sẽ bàn luận, nhưng (vị ấy) lại đến trước buổi trưa và bảo với các thí chủ rằng phải bàn luận ngay, rồi tự lên tòa cao và tuyên bố với mọi người rằng vì sao ngoại đạo lại không đến, chắc vì sự ta, nên không dám đến. Nói xong, vị ấy xuống tòa và bỏ đi.

Sau buổi trưa, ngoại đạo đến, tìm tỳ kheo không có liền chê trách rằng sa môn Thích từ nói rằng biết chánh pháp vậy tại sao cố ý nói dối.

Nói dối: lời nói và ý nghĩ trái nhau, cũng gọi là lời nói trống rỗng.

Trường hợp không phạm: muốn nói điều này, nói nhằm qua điều khác.

Hết phần giải thích về giới nói dối. (Musāvādasikkhāpadampathamam).

2. Giới bôi bác mạ lỵ: muốn làm cho người khác xấu hổ.

Trường hợp vô tội: trừ trường hợp dạy bảo (giáo pháp). Đây thuộc tánh tội.

Hết phần giải thích giới mắng chửi. (Omasāvādasikkhāpadam dutiyami).

3. Nói đâm thọc: Tỳ kheo nào nói đâm thọc làm cho tỳ kheo hay tỳ kheo nọ tranh đấu nhau, phạm tội đọa; đối với ba chúng (xuất gia còn lại), phạm Đột-cát-la; đối với bạch y cũng Đột-cát-la. Đây là tánh tội.

Hết phần giải thích về giới nói chia rẽ. (Pesunnasikkhāpadam tatiyam).

4. Đồng tụng theo câu có bốn cách: 1. Câu; 2. Tùy theo câu; 3. Tùy chữ; 4. Tùy ý vị.

- Câu là từng câu trong bài kệ.
- Tùy theo câu là hai câu theo thứ tự.
- Tùy theo chữ là tùy theo văn tự mà nói.
- Tùy ý vị là đồng chữ, khác nghĩa.

Có cả chữ và ý nghĩa thì gọi là câu.

Nếu dạy người chưa thọ giới cụ túc câu: "Đừng làm các điều ác", những người chưa thọ giới cụ túc đồng thanh tụng theo, (người dạy) phạm tội đọa.

Nếu thầy nói: "Đừng làm các điều ác", những người chưa thọ giới cụ túc đọc nối theo: "Làm những việc lành" rồi đồng thanh tụng thì thầy bị tội.

Thầy nói: "Các hành vô thường", đệ tử nói theo: "Vô thường" cũng phạm tội đọa.

Nếu đồng (tụng văn) trường hàng thì tùy theo chữ mà bị tội.

Lời Phật dạy: Tất cả luật tạng, luận tạng, kinh tạng đều là lời Phật dạy.

Thanh văn ngữ (Sāvakabhāsita): A-năng-già-na, kinh Chánh kiến, A-nậu-ma-na kinh, Châu-la-tỳ-đà-la, Ma-ha-tỳ-đà-la (Anangana, Samāditti, Anumānasutta, Culla-vedalla, Mahāvedalla) là các (kinh) thuộc Thanh văn ngữ.

Phạm chí ngữ: một phẩm (kinh) nói về tất cả ngoại đạo phạm chí.

Thiên nhân ngữ: Tất cả lời nói của Ma vương, Phạm vương, Đế Thích, tất cả chư thiên. Đồng tụng thì không phạm.

Pháp sư nói: - Sau khi Phật Niết Bàn, Ca Diếp làm thượng tọa trong việc kiết tập tam tạng của năm trăm vị A La Hán, nếu cùng người chưa thọ giới cụ túc tụng pháp này (tam tạng) thì bị tội đọa.

Nếu đồng tụng với văn tự của pháp sư soạn ra thì không phạm.

Pháp sư nói:

- Hết phần giải thích giới đồng tụng. (Padas dhammasikkhāpadam catutthami).

5. Không đặt niệm trước mặt (chánh niệm): Khi sắp ngủ, trước phải niệm Phật, pháp, tăng, giới, chư thiên, vô thường. Trong sáu pháp niệm này, tùy lúc mà niệm từng pháp. Nếu không niệm như vậy thì gọi là không đặt niệm ở trước.

Lộ bày thân thể: Khi sắp ngủ mà không niệm (pháp ở trên) thì tâm bị tán loạn. Thế nên lộ bày thân thể với các tiếng (ngáy) như tiếng chim, bò, ngựa. Nghe như vậy, các cư sĩ nam sinh chê trách: "Tại sao người xuất gia mà lại ngủ như vậy?".

Nhân sự việc này, vì các Tỳ kheo, Phật chế giới: Từ nay về sau (các tỳ kheo) không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới cụ túc.

Khi nghe Phật chế giới này, La Hầu La (Rāhula) vì hộ trì không phạm nên vị này vào trong phòng vệ sinh (Vaccakuti) của Phật, trải Ca-sa dưới đất mà ngủ. Sở dĩ La Hầu La vào nhà vệ sinh của Phật là vì (nơi ấy) sạch sẽ, có nhiều người cúng dường hoa hương ở đó. Do vậy, vị này đi vào ngủ nơi đó.

Khi ánh sáng ban mai chưa xuất hiện, Như Lai lên nhà vệ sinh và trước tiên là tăng hăng lên tiếng. Bên trong, La Hầu La cũng tăng hăng đáp. Biết nhưng Phật cố ý hỏi: - Ai đó?

Đáp: - Con là La Hầu La.

Nhân trường hợp La Hầu La, Phật nghĩ đến các Sa di và cho phép được ở chung hai đêm.

Pháp sư nói: phòng như thế nào là không được ngủ chung?

Tất cả phòng có che, có ngăn, cho đến phòng có ngăn bằng tấm y vải cũng bị phạm.

Vách: cho đến cao chừng một khủy tay rưỡi cũng gọi là vách, cùng ngủ qua đêm thì phạm.

Nếu nhiều phòng có chung một cửa đi thì cũng phạm, trừ khi có cửa đi riêng thì không phạm.

Đến đêm thứ ba, khi ánh sáng ban mai chưa xuất hiện thì đi nơi khác. Nếu không đi nơi khác thì cả ba đêm cũng không phạm nhưng đêm thứ tư không được ngủ (chung), nếu hông chạm vào giường, phạm tội đọa. Nếu căn phòng che ít, ngăn nhiều thì không phạm; che nhiều, ngăn ít cũng không phạm. Nếu bốn phòng đều có cửa riêng nhưng đi ra vào chung một cửa lớn thì cũng phạm. Nếu có cửa riêng đi ra ngoài thì không phạm.

Nếu quá ba đêm rồi mà tỳ kheo ngủ, người chưa thọ giới cụ túc cùng ngủ, phạm tội đọa.

Nếu người chưa thọ giới cụ túc ngủ xong đã thức dậy rồi ngủ lại, dù ngủ lại nhiều hay ít, tỳ kheo (ngủ chung) cũng phạm tội đọa.

Nếu cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ chung quá ba đêm, người chưa thọ giới cụ túc ngủ, tỳ kheo cũng ngủ, đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu tỳ kheo đã thức dậy rồi ngủ lại, tùy theo nhiều lần ngủ lại, phạm nhiều tội ba-dật-đề.

Nếu nhà nối tiếp nhau to lớn, có khi dài đến cả do tuần, cùng đi chung một cửa ra vào cũng phạm.

Phòng có cửa sổ hình con rùa, con lươn (song cửa) ngăn xuyên từ ngoài vào trong, không đi qua được, không phạm.

Nếu nhà lợp kín, ngăn vách chỉ một nửa, phạm tội Đột-cát-la. Ngăn nhiều, lợp 1/2 cũng phạm Đột-cát-la.

Pháp sư nói: - Các câu khác dễ hiểu, không cần phải giải thích.

Hết phần giải thích giới cùng ngủ chung phòng. (Sahaseyyasikkhāpadam pancamam).

6. Cùng người nữ ngủ chung phòng qua đêm.

Làm nhà phước đức là để cho người đi lại có nơi nghỉ qua đêm. Giới cùng ngủ với người nữ chung phòng qua đêm, trong luật đã nói rõ, không cần giải thích.

(Dutiyasahaseyyasikkhāpadam chattham).

7. Thuyết pháp cho người (nữ): hoặc thuyết giảng về ba quy y, năm giới, hoặc nói về thiên đường, địa ngục.

Trừ khi có mặt người đàn ông có trí: người đàn ông này chẳng phải là quỷ hay súc sanh.

Nếu có mặt người đàn ông có trí thì nói pháp quá năm sáu lời cũng không phạm.

Năm sáu lời: tỳ kheo nào thuyết pháp (cho người nữ) năm sáu lời, không phạm tội.

Năm sáu lời: một bài kệ, các tiếng mỗi câu nối tiếp nhau không gián đoạn thì phạm một Ba-dật-đề.

Mỗi câu có gián đoạn, mỗi câu một Ba-dật-đề.

Một câu trong kinh văn và năm câu sơ giải hợp thành sáu câu, không phạm, nếu quá sáu câu, phạm Ba-dật-đề.

Nếu có nhiều người nữ, tỳ kheo chỉ thuyết pháp cho một người nữ xong, lại tiếp tục thuyết pháp cho người thứ hai, thứ ba... người nữ thứ nhất lại đến nghe nữa, tuy quá năm sáu lời nhưng không phạm.

Đáp (trả lời): - Nếu người nữ hỏi về sự việc trong Trường A Hàm, tỳ kheo trả lời theo câu hỏi, cho đến (hỏi, đáp) hết cả A Hàm cũng không phạm.

Pháp sư nói: - Các câu văn khác để hiểu không cần giải thích. Nguyên nhân phát sinh giới này như giới trước.

Hết phần giải thích giới thuyết pháp cho người nữ. (Dharmadesanasikkhāpadāmi sattmāmi).

8. Đây là giới chế cho bậc Thánh, giống như giới Ba La Di thứ tư đã giải thích ở trước. Ở đây không khác giới trước nhưng thật có chứng pháp thượng nhân (Uttarimanussadhamma), nói với người chưa thọ giới cụ túc, phạm tội Ba-dật-đề.

Hết phần giải thích giới nói với người chưa thọ giới cụ túc về việc mình chứng pháp thượng nhân. (Bhūtarocanasikkhāpadāmi atthamāmi).

9. Nói tội nặng: (tội do phạm) bốn giới trọng và mười ba giới tăng tàn đều gọi là tội nặng. Trừ tỳ kheo, tỳ kheo ny ra, nói với người chưa thọ giới cụ túc, phạm Ba-dật-đề.

Trừ Tăng yết ma: yết ma cho phép được nói ở nơi... nơi... nếu nói không đúng theo nơi yết ma cho phép thì phạm Ba-dật-đề.

Nói về các thiên tội khác ngoài bốn tội trọng, mười ba tăng tàn thì phạm Đột-cát-la.

Pháp sư nói: các câu văn khác đã nói rõ trong luật, không cần giải thích.

Hết phần giải thích giới nói tội nặng. (Dutthullārocanasikkhāpadāmi navamāmi).

10. Đào đất: cần phân biệt đất thịt và đất có xen tạp (Jātapathāvi, Ajātapathāvi).

Đất thịt là đất không xen lẫn cát, đá, gạch, ngói vụn, chỉ thuần là đất.

Đất có xen tạp: đất có xen lẫn nhiều loại cát, đá, gạch, ngói vụn... Nếu đất bị cháy cũng gọi là đất bị xen tạp.

Nếu đất có lẫn cát đá, làm sao biết có thể đào được? Nên lấy một ít đất ấy, dùng nước đãi để xem, nếu bốn phần san đá một phần đất thì có thể đào. Trên đá có lớp đất dày bốn tấc, nếu còn khô ráo thì được lấy, nếu đã trải qua bốn tháng mùa mưa thì không được lấy.

Tỳ kheo nào đào đất sống, mỗi động tác đào là phạm một Ba-dật-đề.

Nếu tỳ kheo báo tịnh nhân rằng vì chúng tăng, ông hãy đào đất và chặt cây, không phạm. Nếu hướng dẫn rõ họ đào như thế này, chặt như thế này, Ba-dật-đề. Nếu (hướng dẫn bằng cách) vẽ trên đất hay viết chữ, đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu cầm lửa bị cháy tay nên ném xuống đất, không phạm.

Các câu khác có đủ trong luật, không cần phải giải thích.

Hết phần giải thích giới đào đất. (Pathavikhanana-sikkhāsadam dasamami).

Đây là tội do chế định, phát sinh từ thân tâm.

11. Không nghe lời: tỳ kheo (ờ) khoáng dã (Àlavikā bhikkhū) không nghe theo lời nói của quý thân, nhân vì chặt cây nên làm cho tay của con quý bị thương. Với suy nghĩ rằng không nên tự tiện giết hại người xuất gia, ta đến bạch Phật, nghe việc này Phật sẽ chế giới cho các tỳ kheo. Quý này đến gặp Phật và trình bày đầy đủ về sự việc trên. Nghe nói xong, đức Phật nói kệ:

*Người nào đang nổi giận
Như xe đang chạy nhanh
Lái xe ngừng lại được
Việc này không phải khó.
Ai ngừng được cơn giận
Việc này khó vô cùng. - (Dhammapāda, kệ 222).*

Nghe đức Phật nói kệ xong, thân cây này chứng Tu Đà Hoàn đạo. Biết thân cây không có chỗ ở, Phật dùng thiên nhãn tìm cây không có chủ và bảo với thân cây rằng ông có thể sống ở cây này.

Hỏi: - Cây ấy ở đâu?

Đáp: - Cây ấy ở vườn Cấp Cô Độc.

Có chỗ ở rồi, thân cây suy nghĩ rằng đức Thế Tôn đại từ đã ban cho ta cung điện, vậy từ nay về sau, ta nên cúng dường Thế Tôn.

Khi ấy đức Phật thuyết pháp cho chư thiên, có vị thiên lớn nào đến sau, các vị thiên nhỏ ở trước theo thứ tự nhường chỗ ngồi, lan rộng đến bờ biển.

Bấy giờ, vị thọ thân đã đắc đạo trở về cây mình ở, nghe Phật thuyết pháp.

Suốt cả ngày đêm, đức Phật thuyết pháp cho bốn bộ chúng. Đầu đêm, Ngài thuyết pháp cho tỳ kheo, giữa đêm thuyết pháp cho chư thiên, cuối đêm thuyết pháp cho long vương. Tại sao biết như vậy? Giữa đêm chư thiên đến gõ trên đầu cánh cửa, cuối đêm long vương đến gõ đầu dưới của cánh cửa. Đó là sự khác nhau giữa trời và rồng.

Cây cỏ (Bhūtagāma) là (đám) cây đang sống.

Thôn (Gāma): (đám) cây này có tám phần nhỏ vây quanh hợp thành nên gọi là thôn. Cây cỏ có năm loại:

1. A Lê Đà (Haladdi): cây nghệ vàng.
2. Ưu Thi La (Usira): cây hương phụ.
3. Chất tha thí thát (Bhaddamuttaka): tước đầu hương
4. Lư Kiên: hoàng liên.
5. Đà Cư: tên một loại cỏ ở ngoại quốc.

Xá Ma (Asastha): cây Bồ Đề.

Bà La Hê: cây bói đa.

Hai loại cây này tỏa cành lá to rộng làm không nhìn thấy nơi khác.

Hoa Tô Ma Na: hoa này có hương, thơm giống hoa Mạt Lị (Mallikā - hoa lài).

Hoa Mạt Lị: ở Quảng Châu có hoa này, loại dây bò lan.

Tô La Bà: đây là tên loại cỏ.

Bồ Hê Na: tên loại cỏ ở ngoại quốc.

Cây có hai loại là mọc dưới nước và trên mặt đất.

(Dưới nước) Hoa Ưu Bát La (hoa súng), hoa sen, hoa lục bình sống trong nước. (Tỳ kheo nào) lật ngược các loại cây này trong nước, phạm Đột-cát-la; búng ra khỏi nước phạm Ba-dật-đề.

(Trên đất) Nếu cần hoa quả, được phép kéo cành cây xuống và bảo tịnh nhân hái, không phạm. Không được làm gãy cành. Nếu cây cao quá, tịnh nhân không với tới được, tỳ kheo bồng đưa tịnh nhân lên hái, không phạm. Nếu cây đẽ tỳ kheo, được phép chặt cây, đào đất đẽ cứu vị ấy, không phạm.

Hết phần giải thích giới chặt phá cây cối (Bhùtagàsikkhāpadam pathamam).

Đây là tội do chế định, phát sanh từ thân tâm .

12. Nói lời quanh co.

Đã hành động xấu: đã làm việc không nên làm bằng thân và miệng nên bị tội.

Che dấu: không muốn cho người khác biết.

"Ai bị tội?" Pháp sư nói: xin giải thích ý nghĩa này. Nếu có tỳ kheo khác hỏi rằng: "trường lão bị tội", và đưa vị này ra trước tăng để cùng nhau xét xử.

Ngay giữa tăng, tỳ kheo (có tội) hỏi: - Ai bị tội?

Các tỳ kheo khác nói rằng trường lão bị tội.

Vị kia đáp: - Tôi bị tội gì?

(Trong các) tỳ kheo, có người nói là Ba-dật-đề, có người nói Đột-cát-la.

Vị kia hỏi: - Tôi bị tội lúc nào?

Các vị kia đáp: - Đại đức bị tội vào lúc... vào lúc...

Vị kia lại hỏi: - Tôi bị tội về việc làm gì?

Đáp: - Đại đức làm việc... nên bị tội.

Vị kia đáp lại: - Đại đức nói gì vậy?

Như vậy, câu trả lời không theo câu hỏi, gọi là nói quanh co.

Thấy Xiển Na (Channa) cầm bạc tiền, có tỳ kheo hỏi rằng tại sao cầm bạc tiền?

Vị ấy đáp: - Tôi cầm bạc tiền không phải bạc tiền.

Hoặc thấy uống rượu, nên bảo rằng tại sao đại đức uống rượu.

Đáp: - Tôi uống (chất có) nước mà.

Hỏi: - Tại sao đại đức cùng người nữ ngồi tiếp xúc nhau ở chỗ khuất?

Đáp: - Có người đàn ông có trí.

Như vậy là nói quanh co. Hoặc có lúc im lặng không chịu đáp.

Người nào biết là (hành động) phi pháp mà dùng lời quanh co để trả lời với tăng, phạm tội Ba-dật-đề.

Nếu nghi ngờ là pháp hay phi pháp mà dùng lời quanh co đáp lại tăng, phạm Ba-dật-đề.

Nếu biết đúng mà đáp với tăng rằng tôi không biết, phạm Ba-dật-đề.

Nếu sợ (nói ra) gây tranh đấu trong tăng nên im lặng, không phạm.

Các câu văn khác dễ hiểu, không cần giải thích. Đây là tánh tội, phát sinh từ thân, tâm, miệng.

Hết phần giải thích giới trả lời quanh co không theo câu hỏi (Annavadakasikkhà - padam dutiyam).

13. Nói xấu vị khác.

Nếu vì tị hiềm mà nói xấu người do tăng sai, phạm Ba-dật-đề. Nếu tị hiềm (nói xấu) người khác, phạm Đột-cát-la. Đây là tánh tội, phát sanh từ thân và khẩu nghiệp.

Hết phần giải thích giới tị hiềm (Ujjhāpanasikkā-padam tatiyam).

14. Đem vật lót nằm của tăng ra dùng nơi đất trống.

Mùa đông là thời gian có sương tuyết.

Để sưởi nắng cho thân thể: vào tháng lạnh, đem giường chiếu của chúng tăng ra ngoài trời để sưởi nắng cho thân thể suốt ngày.

Biết thời gian: nếu có người mời đi, tự mình không xếp cất ngọa cụ của tăng, không bảo người khác cất thì phạm giới này.

Pháp sư nói: mùa đông có bốn tháng, mùa nóng có bốn tháng. Nếu lúc không có mưa, được phép trải ngọa cụ của tăng (ra ngoài trời), nếu trời mưa không được trải.

Dưới (gốc) cây: nếu cây có lá dài kín, trên không có chim chóc tụ tập thì được phép trải ngọa cụ của tăng (dưới cây), không phạm.

Tỳ kheo nào thọ pháp đầu đà bậc thượng, ở dưới gốc cây hoặc nơi đất trống, cho đến không được làm phòng ở bằng ca sa, không được đem ngọa cụ của chúng tăng ra ngoài để dùng. Nếu có thể bảo quản cho đến dùng ca sa để che cho khỏi bị ẩm ướt thì được dùng. Trong pháp thọ đầu đà, khi không mưa thì ở đất trống, khi mưa thì được ở dưới phòng nhà. Nếu vào trong nhà thì được dùng ngọa cụ của tăng.

Thấy tỳ kheo ở ngoài chỗ trống nên thí chủ làm ngọa cụ (dâng) cho tăng. Tỳ kheo ấy thọ rồi, nếu có tỳ kheo khác thì dâng cho họ, nếu không có tỳ kheo để dâng thì dâng cho trú xứ ở gần. Nếu không có trú xứ nào thì cất vào nhà trống. Nếu không có nhà trống mà có cây với tàn lá che kín thì có thể cột treo ở dưới rồi đi. Nếu không (cột) treo lên thì khi đi phải với suy nghĩ rằng ta vào trong làng xóm và trở lại ngay. Nếu làm đúng như vậy thì vô tội. Vào làng xóm rồi, nếu bị một trong tám nạn nên không trở lại

được, nhấn lại, không có tội. Nếu thật có mưa mà nói không mưa, rồi đi, phạm Đột-cát-la.

Giường có bốn loại:

1. Loại chân Ba ma giá la (Masàraka).
2. Chân thon đẹp (Bundikābadha).
3. Chân Cú lợi la (Kulirapādaka).
4. Chân A kiệt giá (Āhaccapādaka).

Giường Ba ma giá la: giường lầy diềm giường dính chung với chân.

Giường chân thon đẹp: chân và diềm giường liền nhau.

Giường Cú lợi la: hoặc gọi giường chân ngựa, chân dê, cạp, sói, sư tử... đều gọi là giường chân Cú lợi la.

Giường chân A kiệt giá: chân giường thu vào trong diềm giường.

Với những loại giường như vậy, đã đem bày ra ngoài đất trống, (bỏ đi luôn, ra khỏi chỗ để vật) cách xa ngoài tầm ném đá của một người trung bình, phạm Ba-dật-đề.

Nếu thượng tọa bảo hạ tọa sai người trái tòa xong, thượng tọa đã đặt y trên tòa thì hạ tọa được phép đi. Nếu thượng tọa chưa đặt một vật gì, hạ tọa nên thu xếp lại, nếu không thu xếp lại nên báo cho thượng tọa biết rồi đi, không có tội.

Nếu đã bày (giường) ra mà chưa ngồi, lại có tỳ kheo (khác) đến ngồi, bảo (với vị ấy) xong rồi đi, không có tội.

Nếu bố trí tòa cao cho pháp sư, pháp sư chưa đến thì người bố trí phải bảo quản. Nếu pháp sư đã ngồi thì được phép đi, vô tội.

Nếu đặt khúc cây kê chân để bước lên tòa, khi ra đi không cắt đi hay bảo người xếp cắt, phạm Đột-cát-la.

Dùng nôi nhuộm (y), vò nước, dây phơi (y) của tăng, khi đi nên cất lại chỗ cũ, nếu không cất, phạm Đột-cát-la.

(Sử dụng) vật riêng của người khác, không thu cất cũng phạm Đột-cát-la. Vật của mình, khi đi không thu xếp cất, cũng phạm Đột-cát-la.

Nếu gặp phải tám nạn, khi đi không thu xếp, không phạm.

Pháp sư nói: các câu khác dễ hiểu, không cần giải thích. Giới này là chế tội, phát sinh từ thân, tâm và miệng.

(Pathama senāsananasikkhāpadam catuttham).

15. Bày ngọa cụ của tăng trong phòng.

Hoặc tỳ thứ (Bhisi - cái gối): gối làm bằng da. Tỳ thứ là vật gối đầu hay để lót ngồi. Đối với chiếu nằm ngồi hay trải bằng cỏ, khi đi không thu xếp, không bảo người khác thu xếp không có rào ngăn (Parikkhepa), đi xa (khỏi vật) một tầm đá ném, phạm Đột-cát-la; cách xa hai tầm đá ném, phạm Ba-dật-đề. Nếu có rào ngăn, vượt ra ngoài rào thì phạm.

Hết phần giải thích giới dùng ngoạ cụ của tăng trong phòng. (Dutiyase-nāsanāsikkhāpadam pancamam).

16. Biết tỳ kheo khác đã trải ngoạ cụ xong, đến sau lại cố ý gây phiền tỳ kheo ấy, phạm Ba-dật-đề. Nếu không biết mà cố nghi ngờ cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu gặp tám nạn thì không phạm.

Hết phần giải thích làm phiền tỳ kheo khác. (Anupakkhajasikkhāpadam chattham).

17. (Lôi tỳ kheo ra khỏi thất) đây là tánh tội (Nikkad-dhanāsikkhāpadam sattamam).

18. Lầu gác: cho đến đứng dựa nhưng đầu không chạm vào (tầng trên). Vô tội: nơi không phải lầu gác, không phạm.

Hết phần giải thích về giới (dùng giường gập chân trên) lầu gác (Vehāsakutisikkhāpadam attha-mam).

19. (Trát) nhiều lớp đất bùn: hai bên và trên đầu cửa được tô đất bùn dày hai trưu rưỡi. Nếu cửa cao, bên dưới có vách cũng được trát nhiều lớp đất bùn. Bốn mặt cửa sổ cũng được trát nhiều lớp đất. Tại sao? Vì đóng mở cửa sổ.

Mái che, có hai loại: một, mái che tròn; hai, mái che nằm ngang.

Nếu ngăn một lần mà ngưng lại (không làm nữa) thì không phạm. Nếu lợp ngói quá ba lớp phạm Ba-dật-đề. Nếu lợp quá ba lớp, bất kỳ dùng thêm ngói nhiều ít, cứ một miếng là một Ba-dật-đề.

Nếu dùng than đá lợp quá ba lớp, kê thêm chỗ nào cũng phạm Ba-dật-đề.

Dùng tranh lợp quá ba lớp, cứ năm thêm mỗi năm là một Ba-dật-đề.

Nếu lợp không tốt bị hư nên lợp lại, không phạm.

Trường hợp vô tội: nghe nói liền ngừng lại, không phạm.

Nếu chỗ trống, làm nhà lợp quá ba lớp, Đột-cát-la.

Đây là chế tội (Mahallakavīhārasikkhāpadam navamam).

20. Biết nước có trùng: tùy theo sự việc, biết (nước có trùng), tự mình dùng tưới hay bảo người khác dùng nước ấy tưới.

Tự mình tưới, mỗi lần ngừng lại là một Ba-dật-đề.

Bảo người khác tưới: cứ mỗi lần bảo là một Ba-dật-đề. Đây là tánh tội, phát sinh từ thân, tâm, miệng.

Hết phần giải thích sử dụng nước có trùng (Sappānakāsikkhāpadam dasamam).

21 & 22. Đi dạy tỳ kheo ny để được cúng dường lớn: các đại đức này nhờ vào việc dạy bảo các tỳ kheo ny nên được cúng dường nhiều nhưng không phải do tỳ kheo ny dâng cúng, cũng không phải tỳ kheo ny bảo (người khác) dâng cúng. Những vị tỳ kheo ny này là con gái của vua hay con gái đại thân, hoặc con gái của trưởng giả giàu có. Họ tự trở về nhà, cha mẹ (họ) hỏi: ai dạy bảo cho các tỳ kheo ny?

Đáp: - Các đại đứcdạy bảo cho chúng tôi.

Nghe như vậy, cha mẹ họ phát tâm hoan hỷ nên đem bốn vật cúng dường như thức ăn uống, y phục, thuốc, ngọc cụ để cúng dường các đại đức ấy.

Có tỳ kheo ny về nhà kể rằng các đại đức trì giới, tinh tấn, học tập, nhẫn nhục, giòng họ tôn quý.

Nghe như vậy, cha mẹ họ càng tăng thêm sự cúng dường. Do hai sự việc này, các đại đức được cúng dường rất nhiều.

Thấy các đại đức được nhiều lợi dưỡng, nhóm sáu tỳ kheo bảo với tỳ kheo ny rằng chúng tôi cũng có thể dạy bảo các tỳ kheo ny.

Nghe nói như vậy, các tỳ kheo ny đến gặp nhóm sáu tỳ kheo để cầu thỉnh giáo giới.

Sau khi thuyết pháp qua loa cho các tỳ kheo ny, nhóm sáu tỳ kheo lại nói nhiều về các việc thế gian như quốc gia, chính trị, mất mùa, trúng mùa, thành phố, làng xóm.

Đây chính là những lời nói về ba đường ác. Thế nên trong luật nói rằng tỳ kheo nào đủ tám pháp thì có thể dạy bảo tỳ kheo ny. Tám pháp ấy là:

1. Trì giới.
2. Hộ trì giới bốn Ba la đề mộc xoa.
3. Đầy đủ oai nghi.
4. Thấy sợ hãi trong tội lỗi nhỏ nhặt.
5. Kiên trì.
6. Học rộng.
7. Học rộng vững chắc.
8. Thuyết pháp rõ ràng trước, sau, giữa đều toàn thiện, thuần nhất thanh bạch, đầy đủ phạm hạnh, chánh kiến không sai lầm, tụng thông suốt giới bốn hai bộ tăng, tụng thông văn và nghĩa, âm thanh lưu loát, được tỳ kheo ny cung kính tôn trọng, khéo léo tùy thuận thuyết pháp.

Trì giới nghĩa là thân luôn có giới, hoặc nói là giữ giới không phạm.

Hộ trì thân, miệng, ý không phạm giới, hoặc nói thực hành pháp vô thượng, hoặc nói giữ đầy đủ giới pháp Ba la đề mộc xoa, gọi là gìn giữ hộ trì.

Đầy đủ oai nghi: không sinh hoạt tà mạng, không đi đến năm chỗ như dâm nữ, gái góa, chùa ny, nhà có thiếu nữ, hoàng môn, cũng không đến nhà nữ Phật tử có tín tâm. Đây gọi là đầy đủ oai nghi.

Thấy sợ hãi trong tội lỗi nhỏ nhặt: thấy tội lỗi nhỏ như thấy rắn độc lớn, đây gọi là sợ hãi.

Kiên trì không phạm: không thôi tâm trong việc trì giới.

Học rộng: hiểu rõ một bộ A Hàm cho đến hai bộ.

Vững chắc: hiểu rõ vững vàng về A Hàm không quên mất. Gọi là học rộng vững chắc.

Đầu, giữa, cuối đều hoàn thiện. Pháp sư nói: đã nói rõ ý nghĩa này trong phẩm Bà la môn Tỳ lan nhã.

Văn nghĩa rõ ràng, thuyết giảng không nhầm lẫn, lộn xộn cho người.

Âm thanh lưu loát: ngôn từ thông suốt, không bị ngập ngừng ngượng nghịu.

Đọc thông suốt cẩn thận: tụng thông suốt giới bốn hai bộ tăng vào bố tát mỗi nửa tháng, biết rõ sáu ngày trai giới để có thể thuyết pháp cho người. Nếu tụng một đến hai A Hàm thì cũng biết rõ, không bị trở ngại, biết rõ pháp thiền định của sa môn, cho đến quá A La Hán cũng biết rõ không trở ngại, đủ hai mươi tuổi hạ, có thể cho người thọ giới cụ túc.

Pháp sư nói: - Tại sao không nói biết về A Tỳ Đàm?

Đáp: - Nếu (vị ấy) biết được A Tỳ Đàm thì rất tốt. Nếu là người bình thường chỉ biết về luật và kinh thì cũng được dạy bảo (ny chúng).

Âm thanh lưu loát, người nữ thích nghe.

Hỏi: - Tại sao dùng âm thanh lưu loát để dạy bảo tỳ kheo ny?

Đáp: - Phần nhiều, người nữ ưa thích âm thanh, sau đó mới chịu nghe pháp.

Được tỳ kheo ny kính trọng: tỳ kheo này có đạo đức, được tỳ kheo ny quý trọng, không làm nhiệm ô ba chúng.

Tại sao nói (người nào) làm nhiệm ô ba chúng thì không được dạy bảo ny? Nếu (người ấy) dạy bảo thì vị ny kia thấy sẽ không kính trọng.

Đủ hai mươi tuổi (hạ): nếu đủ hai mươi tuổi hạ thì trì pháp kiên cố, ít bị thoái hóa vì tuổi trẻ bồng bột dễ bị thoái hóa. Do đó, (luật) quy định đủ hai mươi tuổi hạ mới được dạy bảo tỳ kheo ny.

Quét dọn phòng xá, rưới nước: sở dĩ quét dọn, rưới nước, bỏ trí nước vì tỳ kheo từ xa đến, cần phải cung cấp giường chiếu, nước uống. Nếu không có chiếu thì trải cỏ.

Nếu tỳ kheo thuyết pháp cho ny, phải có một người bạn, không được thuyết pháp trong phòng.

Ngoài đường, tỳ kheo ny gặp tỳ kheo, xa thì chấp tay chào, gần thì đánh lễ... Nếu gặp nạn vua hay đường ẩm ướt cũng phải chào hỏi.

An cư mùa hạ, chỉ được an cư cách chùa tỳ kheo nửa do tuần, không được xa hơn.

Nếu thí chủ thỉnh tỳ kheo ny an cư mùa hạ, mà không có tỳ kheo để y chỉ an cư, nên tỳ kheo ny muốn ra đi, thí chủ nói rằng xin sư cô hãy ở lại, đệ tử sẽ thỉnh tỳ kheo đến.

Nếu họ thỉnh chưa được, đến hậu an cư mà có tỳ kheo đến thì được ở lại (an cư). Nếu họ thỉnh không được tỳ kheo thì phải ra đi.

Nếu trên đường đi có tai nạn đến tính mạng, đến phạm hạnh, không có tỳ kheo thì cũng được an cư, không phạm.

Bắt đầu an cư thì có tỳ kheo, sau khi kết (giới) an cư xong, tỳ kheo có việc nên ra đi, hoặc thôi tu, hoặc bệnh nặng, tỳ kheo ny không biết, sau đó mới biết thì vẫn giữ an cư như cũ, không di chuyển chỗ ở, vô tội.

Sau khi an cư xong, không có tỳ kheo thì không được tự tứ, phải tìm tỳ kheo.

Cứ mỗi nửa tháng phải đến giữa đại tăng cầu thỉnh hai pháp, đó là:

1. Hỏi ngày bố tát.
2. Thịnh giáo giới.

Pháp sư nói: - Tại sao đức Như Lai ân cần căn dặn các tỳ kheo ny? Tại vì tỳ kheo ny là người nữ nên căn tánh chậm chạp.

Bấy giờ, đại chúng tỳ kheo ny đều đi đến chỗ của tỳ kheo tăng để thọ giáo giới. Do đó, mọi người chê trách tỳ kheo ny và đến thưa với tỳ kheo, tỳ kheo bạch Phật. Nhân đó, đức Phật chế định: từ nay về sau không được nhiều tỳ kheo ny đến thịnh giáo giới, cho phép được năm người.

Năm người cũng bị chê trách, Phật dạy rằng cho phép hai, ba người đến.

Chúng tỳ kheo ny phải tác pháp yết ma sai hai hay ba người đến giữa đại tăng cầu giáo giới. Đến như tỳ kheo ở A lan nhĩ cũng phải giáo giới tỳ kheo ny.

Giáo giới như thế nào? Nên hẹn trước, tại dưới gốc cây hoặc trong nhà khách. Đến kỳ hẹn mà tỳ kheo ny không đến thì bị tội Đột-cát-la. Nếu tỳ kheo không đến đúng giờ hẹn, nơi hẹn cũng phạm Đột-cát-la.

Tỳ kheo ny tự tứ vào ngày mười bốn. Tỳ kheo tăng tự tứ vào ngày mười lăm.

Nếu tỳ kheo ny thịnh thuyết giảng mà không thuyết về pháp bát kính, lại thuyết về pháp khác trước, tỳ kheo ấy phạm Đột-cát-la. Sau khi thuyết tám kính pháp xong, thuyết qua pháp khác, không phạm.

Vấn đáp những chuyện khác, không phạm.

Nếu nói cho người khác mà tỳ kheo ny cùng nghe, không phạm.

Nói cho thức xoa ma na, sa di ny, không phạm.

Pháp sư nói: - Các câu văn khác dễ hiểu, không cần giải thích

(Ovādasikkhāpadam pathamam). Đây là chế tội, phát sanh từ tâm và miệng, đủ ba thọ.

23. (Tăng không sai, tự đến chùa ny).

Tỳ kheo nào mà tăng không sai, tự đến chùa ny để giáo giới, phạm Ba-dật-đề.

Chú Giải Luật Thiện Kiến

- Quyển 15 -

-ooOoo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Chương kế](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 01-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 10-02-2001